

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ CẤP GẠO CHO HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025 (04 THÁNG)

(Kèm theo Công văn số: /UBND ngày tháng 4 năm 2025 của UBND huyện)

Số TT	Tên địa phương	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo)	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ (1000kg)	Tổng số gạo tồn năm học 2023-2024 đề nghị khấu trừ (1000kg)	Tổng số gạo đã hỗ trợ học kỳ I (05 tháng) năm học 2024 - 2025 (1000kg)	Tổng số gạo hỗ trợ đợt 3 (04 tháng) của Học kỳ II năm học 2024-2025 (1000kg)	Kết quả cấp gạo hỗ trợ học kỳ II năm học 2024 - 2025 (1000kg)	Chênh lệch thừa tại đơn vị (1000kg)	Ghi chú
		Tổng số	Học sinh Tiểu học và THCS tại các trường PTDT bán trú	Học sinh TH và THCS thuộc đối tượng bán trú ở khu vực điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học ở trường khu vực III hoặc khu vực II	Học sinh THPT									
	TỔNG CỘNG	2.274	673	1.601	0	15	9	304,710	0,300	170,040	135,360	134,880	0,480	
	<i>Bậc tiểu học</i>													
1	Trường TH và THCS Ba Ngạc	51		51		15	9	6,885		3,825	3,060	3,060	-	
2	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Trang	171	171			15	9	23,085		12,825	10,260	10,260	-	
3	Trường TH&THCS Ba Bích	41		41		15	9	5,535		3,075	2,460	2,460	-	
4	Trường PTDTBTTH&THCS Ba Giang	118	118			15	9	15,930		8,850	7,080	7,080	-	
	Trường PTDTBTTH&THCS Ba Giang	1	1			15	4	0,060		-	0,060	0,060	-	
5	Trường Tiểu học Ba Thành	126		126		15	9	17,010		9,450	7,560	7,560	-	
6	Trường Tiểu học Ba Tô	210		210		15	9	28,350		15,825	12,525	12,525	-	
	Trường Tiểu học Ba Tô	1		1		15	4	0,060		-	0,060	0,060	-	
7	Trường Tiểu học Ba Dinh	66		66		15	9	8,910		4,950	3,960	3,960	-	
8	Trường TH&THCS Ba Nam	30		30		15	9	4,050		2,250	1,800	1,800	-	
9	Trường TH và THCS Ba Tiêu	115		115		15	9	15,525		8,625	6,900	6,900	-	
10	Trường TH và THCS Ba Lễ	69		69		15	9	9,315		5,175	4,140	4,140	-	
11	Trường Tiểu học Ba Vi	63		63		15	9	8,505		4,725	3,780	3,780	-	
12	Trường Tiểu học Ba Xa	229		229		15	9	30,915		17,175	13,740	13,740	-	
	Trường Tiểu học Ba Xa	1		1		15	4	0,060		-	0,060	0,060	-	
13	Trường TH và THCS Ba Khâm	40		40		15	9	5,400		3,000	2,400	2,400	-	
14	Trường TH và THCS Ba Vinh	204		204		15	9	27,540		15,300	12,240	12,240	-	
	<i>Bậc THCS</i>												-	
15	Trường TH và THCS Ba Ngạc	26		26		15	9	3,510		1,950	1,560	1,560	-	

Số TT	Tên địa phương	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo)	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ (1000kg)	Tổng số gạo tồn năm học 2023-2024 đề nghị khấu trừ (1000kg)	Tổng số gạo đã hỗ trợ học kỳ I (05 tháng) năm học 2024 - 2025 (1000kg)	Tổng số gạo hỗ trợ đợt 3 (04 tháng) của Học kỳ II năm học 2024-2025 (1000kg)	Kết quả cấp gạo hỗ trợ học kỳ II năm học 2024 - 2025 (1000kg)	Chênh lệch thừa tại đơn vị (1000kg)	Ghi chú
		Tổng số	Học sinh Tiểu học và THCS tại các trường PTDT bán trú	Học sinh TH và THCS thuộc đối tượng bán trú ở khu vực điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học ở trường khu vực III hoặc khu vực II	Học sinh THPT									
16	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Trang	134	134			15	9	18,090		10,050	8,040	8,040	-	
17	Trường TH&THCS Ba Bích	8		8		15	9	1,080		0,600	0,480	0,480	-	
18	Trường PTDTBTTH&THCS Ba Giang	76	76			15	9	10,260		5,700	4,560	4,560	-	
	Trường PTDTBTTH&THCS Ba Giang	2	2			15	5	0,150		0,150	-	-	-	
19	Trường THCS Ba Tô	61		61		15	9	8,235		4,620	3,615	3,615	-	
	Trường THCS Ba Tô	1		1		15	5	0,075		0,075	-	-	-	
	Trường THCS Ba Tô	1		1		15	2	0,030		0,030	-	-	-	
20	Trường TH&THCS Ba Nam	28		28		15	9	3,780		2,100	1,680	1,680	-	
21	Trường THCS Ba Dinh-Ba Tô	53		53		15	9	6,825	0,060	3,915	3,180	3,180	-	
	Trường THCS Ba Dinh-Ba Tô	2		2		15	6	0,180		0,150	0,120	0,030	0,090	
	Trường THCS Ba Dinh-Ba Tô	2		2		15	5	0,150		0,150	0,120	-	0,120	
22	Trường TH và THCS Ba Tiêu	92		92		15	9	12,420		6,945	5,475	5,475	-	
	Trường TH và THCS Ba Tiêu	1		1		15	2	0,030		0,030	-	-	-	
23	Trường TH và THCS Ba Lễ	29		29		15	9	3,915		2,175	1,740	1,740	-	
24	Trường PTDTBT THCS Ba Xa	159	159			15	9	21,465	0,240	11,820	9,405	9,405	-	
	Trường PTDTBT THCS Ba Xa	6	6			15	4	0,360		0,450	0,360	0,090	0,270	
	Trường PTDTBT THCS Ba Xa	2	2			15	5	0,150		0,150	-	-	-	
	Trường PTDTBT THCS Ba Xa	3	3			15	2	0,090		0,090	-	-	-	
	Trường PTDTBT THCS Ba Xa	1	1			15	1	0,015		0,015	-	-	-	
25	Trường TH và THCS Ba Khâm	32		32		15	9	4,320		2,400	1,920	1,920	-	
26	Trường THCS Ba Vì	17		17		15	9	2,295		1,275	1,020	1,020	-	
	Trường THCS Ba Vì	2		2		15	5	0,150		0,150	-	-	-	